



## SƠN CAO SU CLO HÓA S.CSC -P1; S.CSC.AC-P1; S.CSC.P-P1

Sơn cao su clo hóa I, II, III (S.CSC -P1; S.CSC.AC-P1; S.CSC.P-P1) được chế tạo trên cơ sở nhựa cao su clo hóa, nhựa tổng hợp cao cấp, bột màu, dung môi hữu cơ và các phụ gia đặc biệt.

Sơn S.CSC-P1; S.CSC.AC-P1; S.CSC.P-P1 dùng để sơn bảo vệ, trang trí cho các thiết bị máy móc, cấu kiện, nhà xưởng. Sơn dùng dưới nước, ngoài trời, trong ngành công nghiệp hóa chất, giao thông vận tải...

### TÍNH NĂNG KỸ THUẬT

- Màng sơn khô nhanh, không dính tay sau khi sơn 20 phút.
- Màng sơn đàn hồi, bền màu.
- Có khả năng chống cháy, chống thấm nước.
- Bền nước, bền thời tiết, bền hóa chất.
- Lượng sơn tiêu tốn cho 1 m<sup>2</sup> sản phẩm: 150 - 200g (thực tế phụ thuộc vào bề mặt cần sơn).

### CÁCH SỬ DỤNG

- Sơn trên kim loại tốt nhất phải có lớp sơn nền chống rỉ đã khô thấu: S.PA-N1; hoặc S.EP-N1.
- Thùng sơn phải được khuấy đều
- Sơn đặc pha bằng dung môi DMT<sub>3</sub> - CSC; tỷ lệ pha: 5 - 10 %.

### Phương pháp gia công:

- Dùng chổi quét, ru lô hoặc súng phun, áp lực cung cấp: 2 - 4 KG/cm<sup>2</sup>.
- Sơn tối thiểu 2 lớp hoặc có thể sơn nhiều lớp (tùy thuộc vào yêu cầu sử dụng), mỗi lớp cách nhau 30 phút. Độ dày 1 lớp màng sơn khô là 25 - 30 μm.

### CHỈ TIÊU KỸ THUẬT (TCCS 32:2009/STH)

| TÊN CHỈ TIÊU   | ĐƠN VỊ TÍNH | MỨC CHỈ TIÊU |             |             |
|--|-------------|--------------|-------------|-------------|
|  |             | S.CSC-P1     | S.CSC.AC-P1 | S.CSC.P-P1  |
| 1. Màu sắc   | Mẫu         | Như mẫu      | Như mẫu     | Như mẫu     |
| 2. Độ mịn  | μm          | ≤ 23         | ≤ 23        | ≤ 23        |
| 3. Thời gian chảy đo bằng phễu chảy FC <sub>4</sub> ở nhiệt độ 30 ± 1 °C | giây        | 40 ± 2       | 40 ± 2      | 40 ± 2      |
| 4. Thời gian khô với độ dày màng sơn 25-30 μm                            |             |              |             |             |
| - Khô se bề mặt  | phút        | 10 - 20      | 10 - 20     | 10 - 20     |
| - Khô cấp 1  | giờ         | 2 - 6        | 2 - 6       | 2 - 6       |
| 5. Độ bám dính của màng sơn  | điểm        | ≤ 1          | ≤ 1         | ≤ 1         |
| 6. Độ cứng của màng sơn  | bút chì     | ≥ HB         | ≥ B         | ≥ 2B        |
| 7. Độ bền uốn màng sơn   | mm          | ≤ 2          | ≤ 1         | ≤ 2         |
| 8. Độ bền va đập của màng sơn  | KG.cm       | ≥ 40         | ≥ 45        | ≥ 40        |
| 9. Độ bóng của màng sơn, đo bằng phương pháp quang điện                  | %           | -            | ≥ 80        | ≥ 80        |
| 10. Độ bền axit, ngâm màng trong dung dịch HCl 5% , màng không đổi       | ngày        | ≥ 7          | ≥ 4         | -           |
| 11. Độ bền nước mặn, ngâm màng trong dung dịch NaCl 5%, màng không đổi   | giờ         | ≥ 48         | ≥ 48        | -           |
| 12. Độ chịu dầu, ngâm màng trong dầu nhờn , màng không đổi               | giờ         | ≥ 48         | ≥ 48        | -           |
| 13. Hàm lượng chất không bay hơi   | %           | ≥ 50         | ≥ 50        | ≥ 50        |
| 14. Tỷ trọng   | kg/lit      | 0,90 - 1,00  | 0,90 - 1,00 | 0,90 - 1,00 |

- Sơn chưa sử dụng hoặc sử dụng chưa hết cần đậy kín nắp, để khô ráo thoáng mát.
- Nên thi công ở nơi thoáng khí. Tránh xa nguồn lửa.
- Chú ý : tránh tiếp xúc trực tiếp với da, mắt. Sử dụng trang bị an toàn như : găng tay, khẩu trang, kính,...